TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1267/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 03/11/2017

V/v:"Ly hôn và tranh chấp tài sản chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Hương.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Phước Trinh;
2. Bà Hồ Thị Ngọc Nga.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 11 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1298/2015/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2015 về việc tranh chấp: "Ly hôn và tranh chấp tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 422/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 326/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 346/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017, giữa:

*Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 23 đường 818, tổ 6B, ấp P, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị C có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 23 đường 818, tổ 6B, ấp P, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn X có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 06/7/2017 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày sự việc như sau:

Bà (Lê Thị C) và ông Nguyễn Văn X tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1988, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Chồng bà đi thường xuyên, ít về nhà và ít chăm lo cho gia đình. Từ những mâu thuẫn đó, bà và ông X đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông X.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung, tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/7/1989 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 28/8/1991. Các con chung đều đã thành niên và đều đã có vợ, có chồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 24/7/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải ngày 24/7/2017, ông Nguyễn Văn X trình bày sự việc như sau:

Ông và bà Lê Thị C tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1988, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc ông và bà C sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Vì không còn tình cảm vợ chồng, ông đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung, tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/7/1989 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 28/8/1991. Các con chung đều đã thành niên và đều đã có vợ, có chồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về mối quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà C và ông X đều xác định hai người tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà C cho rằng từ năm 2003 hai vợ chồng bắt đầu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong mọi chuyện. Hai người đều cố gắng điều chỉnh để lo cho con nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay bà xin được ly hôn với ông X. Tại phiên tòa, ông X cũng đồng ý ly hôn với bà C vì tình cảm vợ chồng không còn.

Xét thấy, do bà C và ông X sống chung như vợ chồng từ năm 1988 nhưng trong suốt thời gian chung sống, bà C và ông X không đăng ký kết hôn

nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Khi có yêu cầu ly hôn thì căn cứ Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông X.

* Về con chung:

Bà C và ông X có 02 con chung, tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/7/1989 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 28/8/1991, tất cả đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

* Về tài sản chung:

Các đương sự tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

* Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà C và ông X đều khai không có nghĩa vụ dân sự chung nên Hội đồng xét xử không xét.

* Về án phí:

Bà C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYEÁT ÑÒNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9; Điều 14; Khoản 1 Điều 16; Khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng các Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn X.

2. Về con chung:

Bà C và ông X có 02 con chung, tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/7/1989 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 28/8/1991 (Tất cả đều đã thành niên).

3. Về tài sản chung:

Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung:

Các đương sự khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

5. Về án phí:

Án phí phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), buộc bà C phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà C đã nộp theo biên lai số 0006935 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương